

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 10-7-2017

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thới.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy.

2. Ông Nguyễn Chí Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2017, về việc tranh chấp “ Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐST – HNGĐ ngày 30/6/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh B, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Long An.

(Chị A có mặt tại phiên tòa, anh B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị A trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án và nộp các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết như sau:

Chị A, anh B xác lập quan hệ hôn nhân năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 72, ngày 04/8/2016.

Sau khi cưới, thì vợ chồng sống chung bên gia đình của anh B được khoảng 06 tháng nhìn chung không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên không tìm được biện pháp giải quyết nên chị đã bỏ về bên cha mẹ ruột sống từ tháng 8 năm 2016. Nay chị A không thể tiếp tục chung sống với anh B và yêu cầu được ly hôn

Về nuôi con chung: Chị A, anh B chung sống không có con chung nhưng chị đang mang thai đã hơn 07 tháng, vì anh B sống không có trách nhiệm với chị nên chị kiên quyết ly hôn với anh B, không muốn xác định giữa chị và anh B có con chung với nhau.

Về tài sản chung: Không có; Nợ chung: Vợ chồng chung sống cũng không có nợ ai và cũng không ai nợ hai anh chị.

Tài liệu chứng cứ chị A cung cấp cho Tòa án gồm: 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Giấy kết quả siêu âm; Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Bị đơn anh B đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị A khởi kiện ly hôn với anh B. Căn cứ Điều 27; Điều a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “Ly hôn”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Anh B đã được Tòa án tổng đạt giấy báo phiên tòa sơ thẩm **lần thứ hai** hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm, Tòa án xét xử vắng mặt anh B.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Chị A, anh B xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 72, ngày 04/8/2016, căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B, Hội đồng xét xử xét thấy hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian ngắn chung sống, nhìn chung không đảm bảo hạnh phúc. Do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và những mâu thuẫn nhỏ nhưng hai anh chị vẫn sống ly thân. Chị A quyết định nộp đơn khởi kiện ly hôn được Tòa án thụ lý vụ án và thông báo các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các đương sự tìm được biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng anh B không đến Tòa án và vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy anh B không có thiện chí đoàn tụ với chị A nên mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị A đối với anh B. Chị A được ly hôn với anh B.

[5] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị A xác định giữa chị với anh B không có con chung nên không xét.

[6] Tài sản chung; Nợ chung: Chị A đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 27, Điểm a Khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị A với anh B.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Khấu trừ tạm ứng án phí chị A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05195 ngày 03/5/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh B vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

